



Pháp luật về Giáo dục và đào tạo

Tốt nghiệp cử nhân có thể học nghiệp vụ sư phạm để làm giáo viên

Theo [Thông tư số 11/2021/TT-BGDĐT](#) của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học và [Thông tư 12/2021/TT-BGDĐT](#) ban hành Chương trình và thực hiện bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông (THCS, THPT), từ ngày 22/5/2021, người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học, THCS, THPT sẽ được học chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm để làm giáo viên.

Bồi dưỡng người không có bằng sư phạm trở thành giáo viên THCS, THPT

[Thông tư 12/2021/TT-BGDĐT](#) (có hiệu lực từ ngày 22/5/2021) ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS, THPT.

Theo đó, những người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp với một trong các môn học của cấp THCS, cấp THPT có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS/THPT; Các tổ chức và cá nhân liên quan có nhu cầu bồi dưỡng, cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

Sau khi hoàn thành Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên THCS/THPT, người học có những phẩm chất và năng lực cần thiết, đáp ứng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ dạy học, giáo dục ở trường THCS-THPT.

Chính thức cho phép dạy học trực tuyến hỗ trợ và thay thế trực tiếp

[Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT](#) của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên có hiệu lực từ ngày 16/5/2021.

Hoạt động dạy học trực tuyến, theo quy định trong Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được thực hiện theo các bài học hoặc chủ đề theo chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT), bảo đảm sự tương tác giữa giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học. Hoạt động này có thể hỗ trợ dạy học trực tiếp tại cơ sở giáo dục bằng cách thực hiện một phần nội dung bài học hoặc chủ đề theo

CTGDPT để hỗ trợ dạy học trực tiếp bài học hoặc chủ đề đó. Dạy học trực tuyến cũng có thể thay thế dạy học trực tiếp tại cơ sở giáo dục bằng cách thực hiện toàn bộ nội dung bài học hoặc chủ đề theo CTGDPT để thay thế dạy học trực tiếp bài học hoặc chủ đề này.

Người đứng đầu cơ sở giáo dục được quyền quyết định hình thức tổ chức dạy học trực tuyến hỗ trợ dạy học trực tiếp; tổ chức dạy học trực tuyến thay thế dạy học trực tiếp tại cơ sở giáo dục trong thời gian học sinh không đến trường để học tập vì lý do bất khả kháng.

Pháp luật về Công chức, viên chức và người lao động Mức lương cơ sở năm 2021 là 1.490.000 đồng/tháng

Theo nội dung được Quốc hội quyết nghị tại Nghị quyết 128/2020/QH14 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 thì trong năm 2021, chưa thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở.

Như vậy, theo quy định tại Nghị định 38/2019/NĐ-CP về mức lương cơ sở đối với cán bộ công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì mức lương cơ sở năm 2021 là 1.490.000 đồng/tháng.

Tăng tuổi nghỉ hưu từ 01/01/2021

Theo quy định hiện hành tại Bộ luật lao động 2012 thì tuổi nghỉ hưu của người lao động làm việc trong điều kiện bình thường là nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi.

Theo quy định tại Điều 169 Bộ luật Lao động 2019, từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.

Pháp luật về BHXH và chính sách người có công

08 trường hợp được xác định KCB đúng tuyến BHYT từ 01/3/2021

Thông tư 30/2020/TT-BYT hướng dẫn Nghị định 146/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo hiểm y tế, quy định 08 trường hợp khám chữa bệnh (KCB) BHYT đúng tuyến bao gồm:

- (1) Đến KCB đúng cơ sở KCB ban đầu ghi trên thẻ BHYT.
- (2) Thẻ BHYT đăng ký KCB ban đầu tại cơ sở KCB tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện đi KCB tại trạm y tế tuyến xã hoặc phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện tuyến huyện khác trong cùng địa bàn tỉnh.

Trường hợp trẻ em chưa có thẻ BHYT do chưa làm thủ tục khai sinh được sử dụng giấy chứng sinh đi KCB.

- (3) Đi cấp cứu.

- (4) Được chuyển tuyến KCB BHYT theo quy định, bao gồm:
- Được chuyển tuyến theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 [Thông tư 40/2015/TT-BYT](#) ngày 16/11/2015.
 - Được chuyển tuyến theo quy định tại khoản 3 Điều 14 [Nghị định 146/2018/NĐ-CP](#) ngày 17/10/2018.
 - Được chuyển tuyến theo quy định tại khoản 2 Điều 6 [Thông tư 04/2016/TT-BYT](#) ngày 26/2/2016.

(5) Có giấy tờ chứng minh đang ở tại địa phương khác trong thời gian đi công tác, làm việc lưu động, học tập trung theo các hình thức đào tạo, chương trình đào tạo, tạm trú và KCB ban đầu tại cơ sở KCB cùng tuyến hoặc tương đương với cơ sở đăng ký KCB ban đầu ghi trên thẻ BHYT.

(6) Người có giấy hẹn khám lại trong trường hợp đã được chuyển tuyến.

(7) Người đã hiến bộ phận cơ thể của mình phải điều trị ngay sau khi hiến bộ phận cơ thể.

(8) Trẻ sơ sinh phải điều trị ngay sau khi sinh ra.

Trong đó, (6), (7), (8) là những trường hợp mới được bổ sung.

(Hiện hành Điều 11 [Thông tư 40/2015/TT-BYT](#) chỉ quy định 5 trường hợp).

Tăng mức hỗ trợ học nghề với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp

Theo [Quyết định số 17/2021/QĐ-TTg](#) của Thủ tướng Chính phủ quy định mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp có hiệu lực từ ngày 15/5/2021,

Theo đó, đối với người tham gia khóa đào tạo nghề đến 03 tháng, mức hỗ trợ tính theo mức thu học phí của cơ sở đào tạo nghề nghiệp và thời gian học nghề thực tế nhưng tối đa không quá 4.500.000 đồng/người/khóa đào tạo; đối với người tham gia khóa đào tạo nghề trên 03 tháng, mức hỗ trợ tính theo tháng, mức thu học phí và thời gian học nghề thực tế nhưng tối đa không quá 1.500.000 đồng/người/tháng (quy định cũ tại Quyết định 77/2014/QĐ-TTg là tối đa 1 triệu đồng/người/tháng).

Hỗ trợ đối với người có công cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam

Ngày 19/4/2021 HĐND tỉnh Quảng Nam ban hành Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 03 tháng 10 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đối với người có công cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, trong đó quy định:

a) Bổ sung khoản 8 Điều 2 như sau:

“8. Đối với trường hợp thuộc diện hỗ trợ trong danh sách được phê duyệt nhưng đã chết mà thân nhân có cùng hộ khẩu thường trú hiện đang sinh sống tại nhà ở đó thì được tiếp tục được hỗ trợ theo mức quy định tại Nghị quyết.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 3 như sau:

“1. Việc hỗ trợ được thực hiện trong 04 năm 2019 - 2022 với tổng số nhà ở là 15.416 nhà (xây mới 4.693 nhà, sửa chữa 10.723 nhà) (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

2. Triển khai thực hiện trong năm 2019-2021 với số lượng 12.734 nhà. Ưu tiên giải quyết những trường hợp đã làm nhà do quá xuống cấp, những trường hợp trong danh sách được hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa thực hiện kịp theo thời gian quy định của Chính phủ và các đối tượng hiện nay đã đủ điều kiện, đang có nhu cầu bức thiết về nhà ở; số còn lại thực hiện hoàn thành trong năm 2022.

3. Đối với các địa phương chưa thực hiện dứt điểm đến hết năm 2022 theo số liệu tại khoản 1 Điều này trong trường hợp đã được cấp đủ kinh phí từ ngân sách tỉnh: Thực hiện các thủ tục chuyển trả ngân sách tỉnh theo quy định.

4. Đối với các trường hợp người có công thuộc diện được hỗ trợ nhà ở phát sinh thêm ngoài số liệu tại khoản 1 Điều này: Các địa phương có trách nhiệm chủ động bố trí từ nguồn ngân sách hằng năm của địa phương và các nguồn kinh phí hỗ trợ khác từ các cá nhân, tổ chức, đoàn thể để thực hiện hỗ trợ theo mức quy định của Nghị quyết này.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:

“1. Tổng kinh phí thực hiện: Dự kiến khoảng 402 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh khoảng 346 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện khoảng 56 tỷ đồng.”.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2021.

Pháp luật về Y tế, sức khỏe và xử phạt hành chính trong lĩnh vực phòng, chống dịch COVID-19

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải tổ chức tiêm chủng vắc xin COVID-19 an toàn

Ngày 12/5/2021, Bộ Y tế ban hành [Chi thị 06/CT-BYT](#) về việc tăng cường triển khai các biện pháp phòng, chống và kiểm soát dịch COVID-19.

Theo đó, Bộ Y tế chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện phòng, chống COVID-19 tại các khoa, phòng, bộ phận trong bệnh viện; tổ chức an toàn tiêm chủng vắc xin COVID-19; tổ chức thực hiện giãn cách trong bệnh viện; hạn chế tối đa người nhà vào thăm, chăm sóc người bệnh; đẩy mạnh công tác chăm sóc toàn diện người bệnh tại các bệnh viện; thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2 đối với nhân viên y tế, người bệnh và người chăm sóc người bệnh;...

Ngoài ra, các Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động xây dựng và chuẩn bị sẵn sàng các phương án, kịch bản, diễn tập phòng chống dịch theo các tình huống cụ thể, nhất là các tình huống khi dịch bệnh bùng phát trên địa bàn.

Đặc biệt, Cục Y tế dự phòng làm đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kịch bản 30.000 người mắc, hướng dẫn các địa phương chuẩn bị tổ chức triển khai thực hiện. Xây dựng các tiêu chí, mức độ nguy cơ, giải pháp triển khai và hướng dẫn các địa phương trong việc triển khai đánh giá nhằm áp dụng biện pháp phòng, chống dịch phù hợp

Xử phạt hành chính hành vi không thực hiện đeo khẩu trang nơi công cộng hoặc ra đường thuộc diện không cần thiết

- Mức phạt: Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- Quy định: tại Điểm a Khoản 1 Điều 12 [Nghị định 117/2020/NĐ-CP](#).
- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp xã; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Công an cấp tỉnh.

Xử phạt hành vi không thực hiện quyết định áp dụng biện pháp tạm đình chỉ hoạt động của cơ sở dịch vụ ăn uống công cộng có nguy cơ làm lây truyền dịch bệnh Covid-19:

- Mức phạt: Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân (từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức).
- Quy định: tại Điểm a Khoản 3 Điều 12 [Nghị định 117/2020/NĐ-CP](#).
- Thẩm quyền xử phạt: Chủ tịch UBND cấp huyện; Chánh Thanh tra Sở Y tế; Giám đốc Công an tỉnh.

**Chuyên mục
THÔNG TIN VỀ CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT**

LUẬT TRẺ EM

Luật Trẻ em được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua trong kỳ họp thứ 11 khóa XIII, ngày 05 tháng 4 năm 2016, kế thừa những quy định cơ bản của Luật Bảo vệ Chăm sóc và Giáo dục trẻ em năm 2004 và sửa đổi, bổ sung những quy định mới nhằm cụ thể hóa Hiến pháp 2013, Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em.

Luật Trẻ em gồm 7 Chương với 106 Điều gồm những nội dung cụ thể như sau:

1. Khái niệm trẻ em

Theo Điều 1, Luật Trẻ em quy định: Trẻ em là người dưới 16 tuổi.

2. Bảo vệ trẻ em

Theo khoản 1, Điều 4, Luật Trẻ em quy định bảo vệ trẻ em là việc thực hiện các biện pháp phù hợp để bảo đảm trẻ em được sống an toàn, lành mạnh; phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại trẻ em; trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

3. Các hành vi bị nghiêm cấm

Theo Điều 6, Luật trẻ em quy định các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Tước đoạt quyền sống của trẻ em;
- Bỏ rơi, bỏ mặc, mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt trẻ em;
- Xâm hại tình dục, bạo lực, lạm dụng, bóc lột trẻ em;
- Tổ chức, hỗ trợ, xúi giục, ép buộc trẻ em tảo hôn;
- Sử dụng, rủ rê, xúi giục, kích động, lợi dụng, lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc trẻ em thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác;
- Cản trở trẻ em thực hiện quyền và bổn phận của mình;
- Không cung cấp hoặc che giấu, ngăn cản việc cung cấp thông tin về trẻ em bị xâm hại hoặc trẻ em có nguy cơ bị bóc lột, bị bạo lực cho gia đình, cơ sở giáo dục, cơ quan, cá nhân có thẩm quyền;
- Kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ em vì đặc điểm cá nhân, hoàn cảnh gia đình, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo của trẻ em;
- Bán cho trẻ em hoặc cho trẻ em sử dụng rượu, bia, thuốc lá và chất gây nghiện, chất kích thích khác, thực phẩm không bảo đảm an toàn, có hại cho trẻ em;
- Cung cấp dịch vụ Internet và các dịch vụ khác; sản xuất, sao chép, lưu hành, vận hành, phát tán, sở hữu, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh xuất bản phẩm, đồ chơi, trò chơi và những sản phẩm khác phục vụ đối tượng trẻ em nhưng có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em;
- Công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 0 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em;
- Lợi dụng việc nhận chăm sóc thay thế trẻ em để xâm hại trẻ em; lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước và sự hỗ trợ, giúp đỡ của tổ chức, cá nhân dành cho trẻ em để trục lợi;
- Đặt cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ gần cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em hoặc đặt cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi, giải trí của trẻ em gần cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, độc hại, có nguy cơ trực tiếp phát sinh cháy, nổ;
- Lấn chiếm, sử dụng cơ sở hạ tầng dành cho việc học tập, vui chơi, giải trí và hoạt động dịch vụ bảo vệ trẻ em sai mục đích hoặc trái quy định của pháp luật;
- Từ chối, không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không kịp thời việc hỗ trợ, can thiệp, điều trị trẻ em có nguy cơ hoặc đang trong tình trạng nguy hiểm, bị tổn hại thân thể, danh dự, nhân phẩm.

4. Nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt

Theo quy định tại khoản 1, Điều 10, Luật Trẻ em quy định 14 nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt bao gồm:

- Trẻ em mồ côi cả cha lẫn mẹ;

- Trẻ em bị bỏ rơi;
- Trẻ em không nơi nương tựa;
- Trẻ em khuyết tật;
- Trẻ em nhiễm HIV/AIDS
- Trẻ em vi phạm pháp luật;
- Trẻ em nghiện ma túy;
- Trẻ em phải bỏ học kiếm sống chưa hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở
- Trẻ em bị tổn hại nghiêm trọng về thể chất và tinh thần do bị bạo lực;
- Trẻ em bị bóc lột;
- Trẻ em bị xâm hại tình dục;
- Trẻ em bị mua bán;
- Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bệnh phải điều trị dài ngày thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;
- Trẻ em di cư, trẻ em lánh nạn, tị nạn chưa xác định được cha mẹ hoặc không có người chăm sóc.

5. Quyền của trẻ em

Theo quy định từ Điều 12 đến Điều 36, Luật Trẻ em quy định có 25 nhóm quyền của trẻ em như sau:

- Quyền sống;
- Quyền được khai sinh và có quốc tịch;
- Quyền được chăm sóc sức khỏe;
- Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng;
- Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu;
- Quyền vui chơi, giải trí;
- Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc;
- Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo;
- Quyền về tài sản;
- Quyền bí mật đời sống riêng tư;
- Quyền được sống chung với cha, mẹ;
- Quyền được đoàn tụ, liên hệ và tiếp xúc với cha, mẹ;
- Quyền được chăm sóc thay thế và nhận làm con nuôi;
- Quyền được bảo vệ để không bị xâm hại tình dục;
- Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động;
- Quyền được bảo vệ để không bị bạo lực, bỏ rơi, bỏ mặc;
- Quyền được bảo vệ để không bị mua bán, bắt cóc, đánh tráo, chiếm đoạt;
- Quyền được bảo vệ khỏi chất ma túy;
- Quyền được bảo vệ trong tố tụng và xử lý vi phạm hành chính;
- Quyền được bảo vệ khi gặp thiên tai, thảm họa, ô nhiễm môi trường, xung đột vũ trang;

- Quyền được bảo đảm an sinh xã hội;
- Quyền được tiếp cận thông tin và tham gia hoạt động xã hội;
- Quyền được bày tỏ ý kiến và hội họp;
- Quyền của trẻ em khuyết tật;
- Quyền của trẻ em không quốc tịch, trẻ em lánh nạn, tị nạn.

6. Bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong gia đình

Theo Điều 75, Luật trẻ em quy định cha mẹ và các thành viên trong gia đình có trách nhiệm sau đây:

- Tôn trọng, lắng nghe, xem xét, phản hồi, giải thích ý kiến, nguyện vọng của trẻ em phù hợp với độ tuổi, sự phát triển của trẻ em và điều kiện, hoàn cảnh của gia đình;
- Tạo điều kiện, hướng dẫn trẻ em tiếp cận các nguồn thông tin an toàn, phù hợp với độ tuổi, giới tính và sự phát triển toàn diện của trẻ em;
- Tạo điều kiện để trẻ em được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng đối với những quyết định, vấn đề của gia đình liên quan đến trẻ em;
- Không cản trở trẻ em tham gia các hoạt động xã hội phù hợp, trừ trường hợp vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.

7. Bảo đảm sự tham gia của trẻ em trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác

Theo Điều 76, Luật Trẻ em quy định Nhà trường, cơ sở giáo dục khác có trách nhiệm sau đây:

- Tổ chức và tạo điều kiện để trẻ em được tham gia các hoạt động Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, câu lạc bộ, đội, nhóm của trẻ em trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác; các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội;
- Cung cấp thông tin chính sách, pháp luật và quy định về giáo dục có liên quan đến học sinh; công khai thông tin về kế hoạch học tập và rèn luyện, chế độ nuôi dưỡng và các khoản đóng góp theo quy định;
- Tạo điều kiện để trẻ em được kiến nghị, bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về chất lượng dạy và học; quyền, lợi ích chính đáng của trẻ em trong môi trường giáo dục và những vấn đề trẻ em quan tâm;
- Tiếp nhận ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của trẻ em, giải quyết theo phạm vi trách nhiệm được giao hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để xem xét, giải quyết và thông báo kết quả giải quyết đến trẻ em.

8. Trách nhiệm của gia đình, cá nhân và cơ sở giáo dục

Theo quy định từ Điều 96 đến Điều 102 Luật Trẻ em quy định gia đình, cá nhân và cơ sở giáo dục có những nhóm trách nhiệm sau:

- Bảo đảm cho trẻ em được sống với cha, mẹ
- Khai sinh cho trẻ em

- Chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em
- Bảo đảm quyền học tập, phát triển năng khiếu, vui chơi, giải trí, hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch của trẻ em
- Bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự, bí mật đời sống riêng tư của trẻ em
- Bảo đảm quyền dân sự của trẻ em
- Quản lý trẻ em và giáo dục để trẻ em thực hiện được quyền và bổn phận của trẻ em.

Chuyên mục
TƯ VẤN VÀ GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

Mọi câu hỏi thắc mắc về Pháp luật ở các lĩnh vực xin gửi về cho Bộ phận pháp chế Phòng Hành chính - Quản trị hoặc nhắn riêng cho Cô Nguyễn Thị Thủy Trúc theo địa chỉ email ntttruc@qnamuni.edu.vn.